

Vietnam Daily Review

Mới đầu tuần, VN-Index đã ngã dúi dụi

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 15/2/2022		•	
Tuần 14/2-18/2/2022		•	
Tháng 2/2022		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Hôm nay VN-Index vừa dất xe ra cửa đi làm thì đã vấp, ngã oạch một cái rớt xuống cái hố có độ sâu 20 điểm. Sau đó chỉ số muốn đứng lên nhưng lại ngã xuống, vật lộn trong khoảng 1481-1495 suốt cả ngày rồi cuối cùng đành chịu thua, đóng cửa ở mức thấp nhất trong ngày, giảm gần 30 điểm so với phiên hôm trước. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tiêu cực với 14/19 ngành giảm điểm, 22/30 mã trong nhóm VN30 chìm trong sắc đỏ, và một mã chìm trong sắc biển. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên sàn HSX và mua ròng nhẹ trên sàn HNX. Với việc các phiên trước đó tăng điểm một cách rụt rè với thanh khoản yếu ớt, thì một phiên giảm mạnh về ngưỡng hỗ trợ ngắn hạn 1470 này không có gì khiến nhà đầu tư đáng phải hoang mang về tương lai. Trong những phiên tới, thị trường có khả năng tích lũy quanh ngưỡng 1480.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều giảm điểm theo nhịp vận động của chỉ số VN30. Các nhà đầu tư có thể xem xét canh bán HĐ ngắn hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 14/02/2022, các chứng quyền giảm mạnh theo xu hướng vận động của cổ phiếu cơ sở.

Phân tích kỹ thuật: ASM_Tín hiệu hồi phục (Trang 2)

Điểm nhấn:

- VN-Index **-29.75** điểm, đóng cửa **1471.96** điểm. HNX-Index **-5.88** điểm, đóng cửa **421.01** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **GAS (+2.58)**, **SAB (+1.45)**, **VJC (+1.06)**, **DIG (+0.66)**, **MSN (+0.55)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VCB (-4.66)**, **BID (-3.84)**, **CTG (-2.57)**, **TCB (-1.91)**, **MBB (-1.79)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **23,828** tỷ đồng, tăng **+31.93%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 25,921 tỷ đồng.
- Biên độ dao động là 24,03 điểm. Thị trường có **132** mã tăng, 36 mã tham chiếu và **322** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-293.15** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **HPG (-174.60 tỷ)**, **HDB (-161.43 tỷ)**, **VIC (132.63 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **5.65** tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

thaopt1@bsc.com.vn

VN-INDEX **1471.96**
Giá trị: 23827.85 tỷ **-29.75 (-1.98%)**
Khối ngoại (ròng): -293.15 tỷ

HNX-INDEX **421.01**
Giá trị: 2150.31 tỷ **-5.88 (-1.38%)**
Khối ngoại (ròng): 5.65 tỷ

UPCOM-INDEX **110.85**
Giá trị: 1574.69 tỷ **-1.69 (-1.5%)**
Khối ngoại(ròng): 9.45 tỷ

Thông số vĩ mô		
	Giá trị	%
Giá dầu	93.1	-0.01%
Giá vàng	1,857	-0.10%
Tỷ giá USD/VND	22,724	0.13%
Tỷ giá EUR/VND	25,699	-0.65%
Tỷ giá JPY/VND	19,731	0.77%
LS liên NH 1 tháng	2.8%	22.65%
LS TPCP 5 năm	0.9%	-10.00%
Nguồn: Bloomberg, BSC Research		

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)			
Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
GAS	73.5	HPG	-174.6
GMD	46.7	HDB	-161.4
NVL	40.8	VIC	-132.6
MSB	40.0	VHM	-72.3
VND	31.2	DCM	-30.0
Nguồn: BSC Research			

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 2
Khuyến nghị ngắn hạn	Trang 3
Thị trường phái sinh	Trang 4
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 5
Thống kê thị trường	Trang 6
Khuyến nghị dài hạn	Trang 7
Báo cáo mới nhất	Trang 8
Khuyến cáo sử dụng	Trang 9

Phân tích kỹ thuật

ASM_Tín hiệu hồi phục

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Hồi phục.
- Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ dương, MACD cắt lên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: vùng trung lập, xu hướng tăng.

Nhận định: ASM đang hình thành xu hướng hồi phục từ ngưỡng 14.0. Thanh khoản cổ phiếu vượt ngưỡng trung bình 20 phiên, đồng thuận với đà tăng giá của cổ phiếu. Chỉ báo MACD và chỉ báo RSI đều cho thấy tín hiệu tích cực. Đường giá cổ phiếu đã vượt lên đường MA20 và đang tiếp cận ngưỡng MA50, cho thấy xu hướng tăng giá đang hình thành. Nhà đầu tư có thể mở vị thế tại ngưỡng 16.10, chốt lãi tại ngưỡng 18.0 và cắt lỗ nếu cổ phiếu giảm xuống dưới ngưỡng 15.0.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

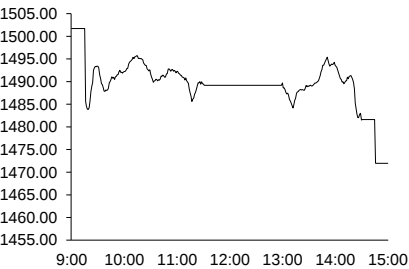
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Viễn thông	8.78%
Du lịch và Giải trí	2.91%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	2.16%
Dầu khí	1.43%
Thực phẩm và đồ uống	0.88%
Hàng cá nhân & Gia dụng	-0.01%
Truyền thông	-0.31%
Công nghệ Thông tin	-0.70%
Bất động sản	-0.95%
Xây dựng và Vật liệu	-0.99%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-1.10%
Y tế	-1.40%
Ô tô và phụ tùng	-1.42%
Bảo hiểm	-1.44%
Bán lẻ	-1.52%
Tài nguyên Cơ bản	-1.74%
Hóa chất	-1.89%
Dịch vụ tài chính	-3.37%
Ngân hàng	-5.03%

Hình 1

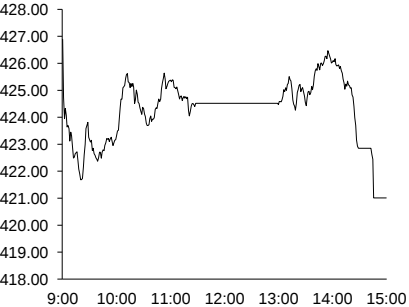
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

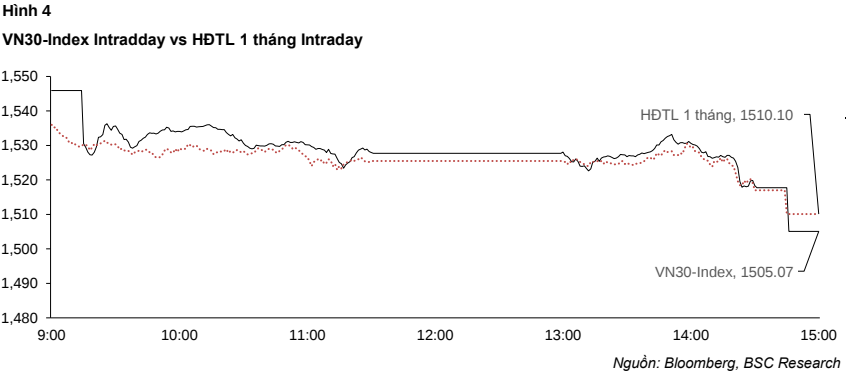
Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
10/2/2022	TVS	47.7	55.3	43.5	48.6	4	1.89%	Có thể giữ nguyên vị thế
8/2/2022	HPG	45.55	55	42	46.2	6	1.43%	Có thể giữ nguyên vị thế
7/2/2022	GMD	46	52	43.75	48.9	7	6.30%	Có thể tiếp tục mua
28/1/22	MBS	32.5	38	31.9	32.8	17	0.92%	Có thể giữ nguyên vị thế
27/1/22	HDG	60.1	65	58	63.7	18	5.99%	Có thể tiếp tục mua
25/1/22	GAS	109.5	121	106	116	20	5.94%	Có thể tiếp tục mua
19/1/22	PHR	79.1	95.1	74	84.6	26	6.95%	Có thể tiếp tục mua
31/12/21	PNJ	96	110.2	90.6	104.6	45	8.96%	Có thể tiếp tục mua
Chú thích:		(*) Trạng thái kỹ thuật không tốt				(**) Tiệm cận giá mục tiêu		

Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
9/2/2022	SMC	40.35	47.2	38.5	SL	5	-4.58%
21/1/22	DBC	76.5	89.5	72	SL	6	-5.88%
20/1/22	LCG	20.8	25	19	SL	6	-8.65%
18/1/22	PLC	46	59.4	45	SL	9	-2.17%
17/1/22	HVN	22.9	26	22	TP	21	13.54%
14/1/22	NBC	17.4	19.7	16.5	SL	4	-5.17%
13/1/22	EVE	18.3	20	17.55	SL	4	-4.10%
12/1/2022	TID	61.9	75.3	57.5	SL	5	-7.11%
11/1/2022	APC	29.95	35	28.3	SL	6	-5.51%
10/1/2022	SD9	15.1	19.5	14	SL	2	-7.28%
7/1/2022	PHC	18.3	21.3	17.7	SL	6	-3.28%
5/1/2022	GVR	38.4	43	37.5	SL	8	-2.34%
Chú thích: Thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất				TP - Đã chốt lời SL - Đã cắt lỗ		FS - Đóng vị thế sớm	

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Năm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	8	0	4.56%	0.00%	4.80%	20
Cổ phiếu đã chốt	230	176	7.91%	-7.40%	5.04%	24

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4

Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2202	1510.10	-2.13%	5.03	25.7%	155,300	2/17/2022	5
VN30F2203	1512.60	-1.71%	7.53	162.4%	2,238	3/17/2022	33
VN30F2206	1500.00	-1.77%	-5.07	104.3%	47	6/16/2022	124
VN30F2209	1502.00	-1.43%	-3.07	43.6%	56	9/15/2022	215

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 giảm -40.85 điểm xuống 1505.07 điểm. Các cổ phiếu như TCB, VPB, STB, MBB, ACB, HDB đã tác động tiêu cực đến vận động của VN30. VN30 điều chỉnh mạnh trong phiên giao dịch hôm nay và nhiều khả năng sẽ kiểm tra lại vùng hỗ trợ 1480-1500 điểm trong phiên giao dịch ngày mai.
- Các HĐTL đều giảm điểm theo nhịp vận động của chỉ số VN30. Xét về KLGD, các HĐ đều tăng. Xét về vị thế mở, các HHD đều tăng. Điểm số giảm và lượng hợp đồng mở tăng mạnh cho thấy xu hướng short mạnh. Các nhà đầu tư có thể xem xét canh bán HĐ ngắn hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CMSN2107	3/14/2022	28	4.993:1	9,400	36.61%	3,100	2,100	12.30%	1,443	1.46	151,259	150,000	151,600
CVIC2108	5/4/2022	79	16:1	290,300	29.38%	1,200	500	11.11%	28	17.55	112,249	99,999	81,800
CKDH2107	4/27/2022	72	8:1	69,600	35.01%	1,300	1,540	2.67%	1,201	1.28	52,588	43,888	52,700
CVIC2110	4/6/2022	51	10:1	339,200	29.38%	2,430	670	1.52%	10	69.02	114,250	102,000	81,800
CMSN2111	5/24/2022	99	6.991:1	13,900	36.61%	2,950	1,990	0.00%	1,258	1.58	160,076	160,000	151,600
CVIC2109	5/24/2022	99	5:1	313,100	29.38%	2,500	1,120	-2.61%	107	10.51	108,200	102,000	81,800
CVHM2115	8/17/2022	184	10:1	887,200	29.25%	1,230	790	-3.66%	219	3.60	95,940	94,000	78,100
CKDH2201	10/5/2022	233	8:1	200	35.01%	1,500	1,160	-4.92%	417	2.78	85,818	61,618	52,700
CVHM2201	9/21/2022	219	16:1	594,600	29.25%	1,300	900	-5.26%	271	3.32	101,278	87,678	78,100
CTPB2201	9/20/2022	218	1:1	58,600	41.75%	1,800	1,900	-7.32%	1,533	1.24	44,080	42,000	40,000
CVHM2111	4/27/2022	72	20:1	554,000	29.25%	1,000	350	-10.26%	52	6.77	94,108	88,888	78,100
CMBB2201	9/20/2022	218	2:1	239,900	32.33%	2,700	3,800	-10.80%	2,473	1.54	40,380	29,500	32,000
CVHM2113	7/1/2022	137	5:1	364,500	29.25%	3,270	1,310	-10.88%	430	3.04	91,450	90,000	78,100
CACB2102	7/1/2022	137	2:1	395,600	32.45%	2,900	2,420	-11.03%	1,260	1.92	38,360	35,000	34,000
CVRE2201	9/20/2022	218	2.22:1	532,900	38.45%	1,200	1,450	-13.17%	1,201	1.21	34,600	34,000	33,000
CHPG2113	3/7/2022	21	4:1	1,024,800	34.50%	2,400	350	-23.91%	44	8.03	63,900	51,500	46,200
CVHM2110	3/7/2022	21	7.588:1	315,600	29.25%	1,800	400	-24.53%	41	9.66	100,994	84,994	78,100
CVRE2112	3/1/2022	15	0.55:1	654,300	38.45%	2,250	1,170	-29.09%	82	14.28	49,500	32,000	33,000
CVPB2108	7/3/2022	139	2.776:1	1,118,400	32.23%	2,200	800	-29.82%	268	2.99	53,570	64,500	35,000
CMWG2112	3/1/2022	15	5:1	338,400	31.05%	3,420	520	-36.59%	139	3.74	231,142	140,000	132,000
Tổng				8,105,100	32.84%**								
Chú thích:				Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất					CR: Tỷ lệ chuyển đổi				
				Lãi suất phi rủi ro là 4.75%					Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn				
				**Trung bình độ lệch chuẩn					*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes				

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 14/02/2022, các chứng quyền giảm mạnh theo xu hướng vận động của cổ phiếu cơ sở.
- CACB2103 và CNVL2104 có mức tăng trưởng tốt nhất, đều ở mức 106.38%. Giá trị giao dịch tăng nhẹ 10.93%. CHPG2113 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 4.83% thị trường.
- CSTB2112, CSTB2202, CMBB2201 và CMWG2104 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CVRE2109, CHDB2201, CVHM2115 và CMSN2108 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CMWG2104, CMSN2104, và CSTB2109 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE	
MWG	Bán lẻ	132.0	-2.4%	0.8	4,091	5.5	6,936	19.0	4.6	49.0%	27.3%	
PNJ	Bán lẻ	104.6	-0.2%	0.9	1,034	2.4	4,543	23.0	4.0	47.7%	18.3%	
BVH	Bảo hiểm	54.2	-1.6%	1.4	1,749	1.6	2,501	21.7	1.9	26.4%	9.0%	
PVI	Bảo hiểm	48.3	-1.4%	0.5	492	0.3	3,543	13.6	1.5	57.8%	10.9%	
VIC	Bất động sản	81.8	0.1%	0.7	13,564	17.8	(759)	N/A	N/A	2.7	13.4%	-3.1%
VRE	Bất động sản	33.0	-4.6%	1.1	3,260	13.5	578	57.0	2.4	30.1%	4.4%	
VHM	Bất động sản	78.1	-2.0%	1.1	14,786	17.4	9,048	8.6	2.6	23.9%	36.4%	
DXG	Bất động sản	35.0	-0.3%	1.3	907	9.9	1,941		2.4	29.5%	15.5%	
SSI	Chứng khoán	43.6	-3.3%	1.5	1,863	20.1	2,768	15.8	3.0	39.2%	22.5%	
VCI	Chứng khoán	56.9	-6.9%	1.0	824	8.5	4,512	12.6	2.9	20.5%	27.1%	
HCM	Chứng khoán	37.0	-4.0%	1.5	735	9.4	2,805	13.2	2.3	43.9%	19.5%	
FPT	Công nghệ	91.0	-0.7%	0.9	3,591	3.1	4,354	20.9	4.6	49.0%	25.7%	
FOX	Công nghệ	73.0	0.0%	0.4	1,042	0.1	4,304	17.0	5.1	0.0%	30.0%	
GAS	Dầu khí	116.0	4.5%	1.3	9,653	9.1	4,381	26.5	4.3	2.9%	17.4%	
PLX	Dầu khí	60.2	1.3%	1.5	3,326	8.3	2,337	25.8	3.1	17.2%	12.3%	
PVS	Dầu khí	29.8	2.8%	1.7	619	19.1	1,260	23.7	1.2	9.2%	5.0%	
BSR	Dầu khí	27.5	1.1%	0.8	3,707	20.2	(909)		2.7	41.1%	-8.7%	
DHG	Dược	99.6	-1.9%	0.4	566	0.4	5,720	17.4	3.4	54.2%	20.3%	
DPM	Hóa chất	45.7	-1.6%	0.8	778	10.2	7,914	5.8	1.7	9.4%	33.5%	
DCM	Hóa chất	29.3	-3.8%	0.7	674	6.2	3,313	8.8	2.0	5.9%	25.3%	
VCB	Ngân hàng	86.0	-4.4%	1.1	17,695	13.8	5,005	17.2	3.7	23.6%	21.4%	
BID	Ngân hàng	44.8	-6.6%	1.3	9,842	14.3	2,090	21.4	2.7	16.8%	13.2%	
CTG	Ngân hàng	34.6	-6.0%	1.3	7,230	23.5	2,940	11.8	1.8	26.0%	15.9%	
VPB	Ngân hàng	35.0	-4.4%	1.2	6,765	31.3	2,667	13.1	2.0	15.2%	18.0%	
MBB	Ngân hàng	32.0	-5.7%	1.2	5,257	39.2	3,362	9.5	2.0	23.2%	23.6%	
ACB	Ngân hàng	34.0	-4.8%	1.0	3,994	20.0	3,554	9.6	2.0	30.0%	23.9%	
BMP	Nhựa	58.8	-2.0%	0.7	209	0.3	2,618	22.5	2.1	85.1%	9.0%	
NTP	Nhựa	65.0	-3.3%	0.4	333	3.2	3,951	16.5	2.8	18.0%	17.6%	
MSR	Tài nguyên	24.7	-3.5%	0.8	1,180	0.4	39	633.3	1.9	10.1%	0.3%	
HPG	Thép	46.2	-2.0%	1.1	8,985	37.1	7,708	6.0	2.3	23.5%	46.1%	
HSG	Thép	36.3	-2.2%	1.4	779	15.7	8,581	4.2	1.6	6.9%	45.9%	
VNM	Tiêu dùng	81.1	-1.1%	0.6	7,369	10.5	4,518	18.0	5.1	54.5%	29.3%	
SAB	Tiêu dùng	167.9	5.2%	0.8	4,681	2.4	5,663	29.6	5.1	62.5%	17.9%	
MSN	Tiêu dùng	151.6	1.2%	0.8	7,781	6.0	7,257	20.9	5.5	28.7%	35.1%	
SBT	Tiêu dùng	22.5	-1.8%	1.3	614	4.2	1,097	20.5	1.7	7.1%	7.8%	
ACV	Vận tải	91.0	-2.2%	0.8	8,613	0.5	577	157.7	5.3	3.7%	3.4%	
VJC	Vận tải	140.0	5.4%	1.1	3,297	7.5	2,271		4.5	16.5%	7.7%	
HVN	Vận tải	26.4	0.8%	1.7	2,542	9.1	(6,523)		24.4	6.0%	-267.4%	
GMD	Vận tải	48.9	1.1%	1.0	641	5.9	1,846	26.5	2.3	41.8%	9.1%	
PVT	Vận tải	23.2	1.5%	1.4	326	2.9	2,066	11.2	1.5	12.6%	13.3%	
VCS	Vật liệu xây dựng	107.6	-0.4%	0.9	749	0.3	10,538	10.2	3.5	3.9%	40.6%	
VGC	Vật liệu xây dựng	53.7	-1.5%	0.5	1,047	2.4	2,738	19.6	3.4	3.8%	18.2%	
HT1	Vật liệu xây dựng	21.1	-2.5%	0.9	349	0.9	969	21.7	1.6	2.0%	7.0%	
CTD	Xây dựng	92.8	-2.3%	1.1	298	1.4	310	298.9	0.8	47.2%	0.3%	
CII	Xây dựng	26.3	-2.2%	0.8	273	11.6	(1,434)	N/A	N/A	1.3	11.2%	-7.1%
REE	Điện	67.5	-1.2%	-1.4	907	0.8	6,001	11.2	1.6	49.0%	15.0%	
PC1	Điện	35.3	0.6%	-0.4	361	1.4	2,997	11.8	1.8	4.8%	15.9%	
POW	Điện	17.7	-3.3%	0.6	1,802	14.8	759	23.3	1.4	2.6%	6.1%	
NT2	Điện	23.8	-0.2%	0.6	298	0.7	1,778	13.4	1.6	14.0%	12.0%	
KBC	Khu công nghiệp	56.9	-1.6%	1.2	1,410	16.7	1,593	35.7	2.3	18.0%	6.7%	
BCM	Khu công nghiệp	78.9	0%	1.1	3,551	1.7			5.2	2.4%		

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
GAS	116.00	4.50	2.46	1.82MLN
SAB	167.90	5.20	1.37	342500
VJC	140.00	5.42	1.00	1.28MLN
DIG	73.80	6.96	0.62	6.60MLN
MSN	151.60	1.20	0.55	925700

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
VCB	0.00	-4.87	3.63MLN	1.11MLN
BID	-0.01	-3.26	7.13MLN	607060
CTG	-0.01	-2.72	15.12MLN	373600
TCB	0.00	-1.99	18.77MLN	192700
MBB	-0.01	-1.90	27.32MLN	611640

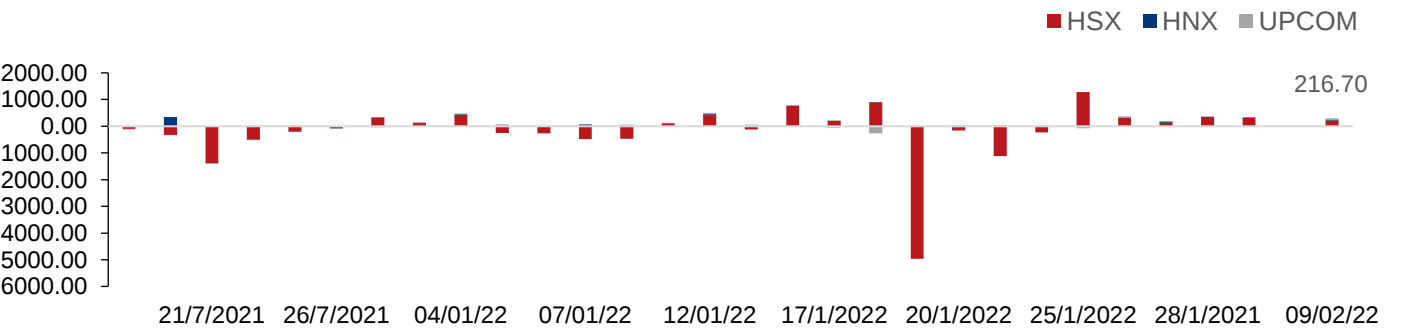
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
CNG	33.70	6.98	0.02	456700.00
TDG	13.05	6.97	0.00	1.15MLN
DIG	73.80	6.96	0.62	6.60MLN
PGC	24.65	6.94	0.03	336000
PSH	24.70	6.93	0.05	2.82MLN

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
LPB	24.10	-6.95	-0.56	17.74MLN
STB	32.85	-6.94	-1.19	37.42MLN
BTT	46.45	-6.91	-0.01	900.00
TTB	11.45	-6.91	-0.01	1.82MLN
VCI	56.90	-6.87	-0.36	3.31MLN

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tài báo cáo
9	AGG	Bất động sản	Mua	19/05/21	62.1	N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	Click
10	ANV	Thủy sản	Mua	27/06/21	32.4	38.7	32.7	1,267	25.8	1.7	Click
1	BMI	Bảo hiểm	Mua	8/2/22	36.8	45.0	37.4	1,968	19.0	1.8	Click
11	BSR	Dầu khí	Mua	4/11/21	24.5	28.4	27.5	-909	#N/A N/A	2.7	Click
12	CEO	Bất động sản	Theo dõi	7/6/21	10.8	N/A	58.5	362	161.6	5.0	Click
6	CTD	Xây dựng	Mua	6/12/21	77.0	97.9	92.8	310	298.9	0.8	Click
14	DBC	Tiêu dùng bán lẻ	Theo dõi	16/9/21	62.9	69.6	74.0	7,200	10.3	1.8	Click
15	DCM	Bán lẻ	Mua	1/4/21	17.5	21.1	29.3	3,313	8.8	2.0	Click
16	DGC	Hóa chất	Mua	27/7/21	96.5	115.0	141.1	13,121	10.8	4.0	Click
18	DPG	Bất động sản	KQ	10/6/21	39.3	N/A	59.5	5,715	10.4	2.8	Click
20	DRC	Săm lốp	Mua	18/5/21	26.2	32.8	30.0	2,450	12.2	2.0	Click
21	DXG	Bất động sản	Mua	10/5/21	23.4	30.2	35.0	1,941	18.0	2.4	Click
22	ELC	CNTT	Mua	2/11/21	28.5	33.1	22.5	949	23.7	1.3	Click
8	EVE	Dệt may	Mua	1/12/21	18.4	N/A	15.7	1,454	10.8	0.7	Click
23	FPT	CNTT	KQ	18/8/21	93.8	107.0	91.0	4,354	20.9	4.6	Click
4	GAS	Dầu khí	Mua	12/1/22	103.3	130.0	116.0	4,381	26.5	4.3	Click
24	GAS	Dầu khí	Mua	6/9/21	90.4	109.4	116.0	4,381	26.5	4.3	Click
5	HAX	Ô tô	Mua	23/12/21	29.1	37.0	29.0	3,134	9.3	2.0	Click
25	HPG	VLXD	Mua	25/5/21	65.4	76.5	46.2	7,708	6.0	2.3	Click
26	HSG	VLXD	Theo dõi	14/5/21	37.4	47.8	36.3	8,581	4.2	1.6	Click
27	HUT	XD-BDS	Theo dõi	20/5/21	6.5	7.6	23.0	157	146.7	2.1	Click
7	ITC	Bất động sản	Mua	29/11/21	22.4	27.4	17.2	1,520	11.3	0.8	Click
28	ITC	Bất động sản	Mua	29/11/21	22.4	27.4	17.2	1,520	11.3	0.8	Click
29	ITD	CNTT	Mua	17/9/21	20.8	28.1	14.9	689	21.6	1.2	Click
30	KDH	Bất động sản	Theo dõi	31/8/21	39.8	N/A	52.7	1,833	28.8	3.3	Click
31	LHG	BDS khu CN	Theo dõi	22/7/21	49.2	55.7	53.3	5,898	9.0	1.8	Click
33	MSH	Dệt may	Mua	13/5/21	50.6	66.4	79.1	8,820	9.0	2.8	Click
34	MWG	Bán lẻ	Mua	23/11/21	138.6	154.4	132.0	6,936	19.0	4.6	Click
35	NKG	Thép	Nắm giữ	1/9/21	39.5	46.5	39.8	10,793	3.7	1.5	Click
36	NLG	Bất động sản	KQ	11/11/21	61.2	66.5	52.3	3,181	16.4	2.2	Click
37	NT2	Điện	Theo dõi	9/9/21	21.7	24.7	23.8	1,778	13.4	1.6	Click
38	PC1	Điện	Mua	7/6/21	26.8	32.8	35.3	2,997	11.8	1.8	Click
40	PNJ	Bán lẻ	Mua	25/11/21	105.7	126.1	104.6	4,543	23.0	4.0	Click
41	PNJ	Bán lẻ	Mua	25/11/21	105.7	126.1	104.6	4,543	23.0	4.0	Click
42	POW	Điện	Theo dõi	18/5/21	12.0	13.8	17.7	759	23.3	1.4	Click
2	PVI	Bảo hiểm	Mua	7/2/22	49.2	59.3	48.3	3,543	13.6	1.5	Click
3	PVS	Dầu khí	Mua	13/1/22	28.5	36.0	29.8	1,260	23.7	1.2	Click
45	SGP	Cảng biển	Mua	13/7/21	21.1	25.0	36.2	1,064	34.0	3.7	Click
46	SMC	Bán lẻ	Mua	13/5/21	39.6	48.6	38.3	14,369	2.7	1.0	Click
47	SZC	BDS khu CN	Mua	23/11/21	50.0	62.7	78.2	3,013	25.9	5.3	Click
48	TCD	Xây dựng	Mua	29/11/21	32.3	40.0	25.0	2,375	10.5	3.5	Click
49	VGТ	Dệt may	Theo dõi	21/5/21	16.8	19.0	25.4	570	44.6	2.1	Click
50	VHC	Thủy sản	Mua	29/10/21	62.5	80.1	73.1	6,052	12.1	2.3	Click
51	VNM	Tiêu dùng bán lẻ	Mua	19/8/21	90.0	105.6	81.1	4,518	18.0	5.1	Click
52	VRE	Bất động sản	Theo dõi	16/8/21	28.1	34.1	33.0	578	57.0	2.4	Click
53	VSC	Cảng biển	Mua	10/9/21	63.8	77.0	40.7	3499.1	11.6	1.7	Click
54	VSH	Điện	Mua	30/9/21	27.7	35.0	28.4	1,646	17.3	1.7	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2022_20220113	x		Link
2	Ngành Phân bón_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Link
3	Vĩ Mô Thị trường Tháng 11.2021	x		Click
4	Ngành Ngân hàng_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Link
5	Chuyển dịch hàng hóa CN nặng & Cơ hội TTCK	x		Click
6	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2021		x	Click
7	Vĩ Mô Thị trường Tháng 10.2021	x		Click
8	Cơ hội sau giãn cách xã hội	x		Click
9	Vĩ mô Thị trường Quý III 2021	x		Click
10	Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2021	x		Click
11	Quan hệ thương mại và đầu tư của Hoa Kỳ và Việt Nam	x		Click
12	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2021		x	Click
13	Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2021	x		Click
14	Covid làn sóng thứ 4	x		Click
15	Vĩ mô & Thị trường Quý 2.2021	x		Click
16	Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
17	XU HƯỚNG GIÁ HÀNG HÓA THẾ GIỚI	x		Click
18	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2021		x	Click
19	Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2021	x		Click
20	Triển vọng ngành Dệt May 2021		x	Click
21	Vĩ mô & Thị trường Quý 1.2021	x		Click
22	Triển vọng ngành dầu khí 2021		x	Click
23	Vĩ mô & Thị trường Tháng 2.2021	x		Click
24	Banking Sector Outlook		x	Click
25	Báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh 2020		x	Click
26	Vĩ mô & Thị trường Tháng 1.2021	x		Click
27	Vietnam Sector Outlook 2021		x	Click
28	Vietnam Macro Market Outlook 2021	x		Click
29	Triển vọng ngành tiêu dùng bán lẻ 2021		x	Click
30	Cơ hội từ đẩy mạnh giải ngân đầu tư công	x		Click
31	Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2020	x		Click
32	Triển vọng ngành khu công nghiệp 2021		x	Click
33	Vietnam Sector Outlook 4Q2020		x	Click
34	Triển vọng ngành Bất động sản 2021		x	Click
35	Luật VAT Sửa đổi cho ngành phân bón		x	Click
36	Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2020	x		Click
37	Bầu cử Hoa Kỳ 2020	x		Click
38	Fishery Outlook 2021		x	Click
39	Cơ hội thu hút dòng tiền của Việt Nam sau MSCI Review	x		Click
40	Báo cáo Triển vọng ngành thép 2020		x	Click
41	Vĩ mô Thị trường quý 3.2020	x		Click
42	Vĩ Mô Thị trường tháng 8.2020	x		Click
43	Chemical sector Outlook 2H.2020		x	Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Phân tích Nghiên cứu
Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân
Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639